

Số: 94/2024/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 05 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 133/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc xin ly hôn giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị F, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn R, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy G, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn R, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Duy G và chị Phạm Thị F.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Duy G và chị Phạm Thị F.

b. Về con chung: Chị F và anh G có 03 con chung. Anh chị thống nhất, cháu Nguyễn Kiều A, sinh ngày 10/8/2001 đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết. Anh Nguyễn Duy G là người trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu

Nguyễn Chí Dũng, sinh ngày 12/10/2015 và cháu Nguyễn G D, sinh ngày 13/5/2007 đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh chị không thỏa thuận vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, chị F được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản chị thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung vợ chồng: Chị F và anh G đã tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

d. Về nợ chung vợ chồng: Không có.

d. Về án phí: Chị Phạm Thị F tự nguyện nhận chịu án phí xin ly hôn là 150.000VNĐ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 00001333 ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, được nhận lại 150.000VNĐ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pG thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND thị trấn R, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**THẨM PHÁN**



**Hà Minh Quân**